TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2020/HNGĐ-ST
Ngày 06-10-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020, về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung khi lý hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị O (Yên); Sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ 8, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Anh Dương Hoàng H (Lâm); Sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ 8, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị S; Sinh năm 1962; Địa chỉ: Tổ 8, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh;

2. Ông Võ Văn A; Sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ 8, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh;

3. Bà Nguyễn Thị M; Sinh năm 1945; Địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã A, huyện C,

tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19-02-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị O trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H chung sống với nhau vào năm 1999, nhưng đến ngày 21/6/2002 anh, chị mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Năm 2016, anh chị phát sinh mâu thuẫn do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Dương Hoàng N, sinh ngày 30/6/2000 và Dương Thị Bích T, sinh ngày 16/5/2004. Hiện nay con đang sống chung nhà với chị. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cháu T, đối với cháu N đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Trong quá trình sống chung, chị có xây dựng 01 căn nhà cấp 4, tại: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh với diện tích là 97,5m^2 (5m x 19,5m) và 01 mái che lợp tole nền đất ngang 3m, dài 17m, diện tích 51m^2. Tổng số tiền xây dựng căn nhà này là 220.000.000 đồng, xây vào tháng 03/2017. Nguồn tiền từ cha mẹ chị cho là 150.000.000 đồng, chị hốt hụi được số tiền 60.000.000 đồng. Số tiền còn lại 10.000.000 đồng do chị dành dụm. Anh H hoàn toàn không có đưa tiền phụ chị xây nhà. Hội đồng định giá căn nhà là 239.343.000 đồng, chị đồng ý với giá đã định. Nay anh H yêu cầu chị chia cho anh H 100.000.000 đồng thì chị không đồng ý, vì anh H chỉ góp công trong việc xây dựng căn nhà nhưng không có đóng góp về mặt tiền bạc. Về đất của cha chị không có tranh chấp, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Dương Hoàng H trình bày: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Võ Thị O trình bày là đúng. Năm 2017, vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn do hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị O xin ly hôn, anh đồng ý.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu N và cháu T như chị O trình bày. Nếu ly hôn, anh đồng ý để chị O nuôi cháu T. Đối với cháu N đã thành niên nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung: Trong quá trình sống chung anh và chị O có xây dựng 01 căn nhà cấp 4 vào tháng 2 năm 2017 với tổng số tiền xây dựng là 220.000.000 đồng, tại: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Căn nhà được xây dựng trên đất của ba vợ anh tên Võ Văn A; Nguồn tiền để xây dựng căn nhà này

là do cha mẹ vợ cho, nhưng cho bao nhiêu thì anh không biết. Số tiền còn lại là do vợ chồng anh dành dụm nhưng không biết cụ thể là bao nhiêu vì chị O là người giữ tiền. Hội đồng định giá căn nhà là 239.343.000 đồng, anh đồng ý với giá đã định. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho anh số tiền 100.000.000 đồng.

Về nợ chung: Anh xác định không nợ ai nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Võ Văn A trình bày: Vợ chồng ông có cho anh H, chị O cất nhà ở nhờ trên đất, đồng thời vợ chồng ông cũng cho chị O, anh H 150.000.000 đồng để xây nhà. Nay, chị O, anh H ly hôn. Anh H yêu cầu chị O phải đưa cho anh H số tiền 100.000.000 đồng, ông không đồng ý. Ông yêu cầu để lại căn nhà cho các cháu ông ở. Đối với quyền sử dụng đất, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà thống nhất theo phần trình bày của ông A và không có ý kiến gì khác.

Bà Nguyễn Thị M trình bày: Trước đây vào khoảng năm 2016, 2017 bà S có vay của bà số tiền 60.000.000 đồng để cho chị O, anh H vay lại. Tuy nhiên khi vay, hai bên không làm giấy tờ gì cả nên nay bà không yêu cầu chị O, anh H có trách nhiệm trả cho bà số tiền này.

Tại phiên tòa:

Chị O giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh H đồng ý ly hôn và yêu cầu chị O phải đưa cho anh số tiền 100.000.000 đồng.

Đại diện VKSND huyện Châu Thành phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 38, 51, 56, 59, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O, cho chị O được ly hôn anh H. Về con chung giao cho chị O trực tiếp nuôi, ghi nhận chị O không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận cho chị O được quyền sở hữu căn nhà cấp 4, đồng thời buộc chị O thanh toán lại cho anh H số tiền 60.000.000 đồng. Buộc chị O và anh H pH chịu án phí và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà S và bà M.

[2] Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[3] Về hôn nhân: Chị Võ Thị O và anh Dương Hoàng H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng đến ngày 21-6-2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện C, tỉnh Tây Ninh (Giấy chứng nhận kết hôn số: 102/2002, quyển số: 01) nên căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị O và anh H là hôn nhân hợp pháp kể từ năm 1999. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ chồng không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra xô xát. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ năm 2016, hai bên đã sống ly thân. Nay, chị O và anh H cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều đồng ý ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho chị O và anh H thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị O và anh H có 02 con chung. Chị O có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Cháu T cũng có nguyện vọng được sống với chị O, nên việc chị O và anh H thỏa thuận chị O sẽ là người trực tiếp nuôi cháu T. Chị O không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với cháu N đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: Căn nhà cấp 4 cất trên đất của cha chị O là ông Võ Văn A, có trị giá 239.343.000 đồng. Chi O cho rằng đây là tài sản riêng của chị nên không đồng ý chia cho anh H. Tuy nhiên, chị O cũng thừa nhận nguồn tiền dùng dể xây nhà là của cha mẹ chị cho một phần, phần còn lại là do chị dành dụm được trong thời kỳ hôn nhân với anh H. Ngoài ra, chị O cũng thừa nhận anh H có bỏ công ra để xây dựng căn nhà. Về phía ông A, bà M cũng xác định có cho vợ chồng chị O, anh H 150.000.000 đồng để xây nhà. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định căn nhà cấp 4 tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh là tài sản chung của chị O và anh H.

[6] Anh H cũng thừa nhận nguồn tiền dùng để xây nhà là do cha mẹ chị O cho, phần còn lại là do vợ chồng anh dùm được nhưng anh không biết là bao nhiêu. Xét thấy công sức đóng góp để tạo lập tài sản chung phần lớn là của chị O. Mặt khác, chị O còn phải nuôi con nhỏ, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, do đó

Hội đồng xét xử xét thấy cần chia cho chị O phần tài sản nhiều hơn anh H, cụ thể anh H được chia phần tài sản có giá trị 60.000.000 đồng và chị O được chia phần tài sản có giá trị là 179.343.000 đồng là phù hợp.

[7] Do căn nhà cấp 4 được xây trên quyền sử dụng đất của cha chị O là ông Võ Văn A và không thể phân chia bằng hiện vật cho các bên cùng sử dụng, hơn nữa căn nhà là chỗ ở duy nhất của chị O và các con nên cần giao căn nhà cho chị O được quyền sở hữu, đồng thời buộc chị O phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh H số tiền 60.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 7 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cáo, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[8] Đối với quyền sử dụng đất của ông A, bà S đang cho anh H, chị O xây nhà ở, do ông A, bà S không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[9] Đối với số tiền 60.000.000 đồng, theo bà M khai có cho anh H, chị O vay, tuy nhiên không yêu cầu chị O, anh H phải trả số tiền này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về án phí: Chị Võ Thị O yêu cầu ly hôn và được chia phần tài sản có giá trị 179.343.000 đồng nên phải chịu 9.267.150 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Dương Hoàng H được chia phần tài sản có giá trị 60.000.000 đồng nên phải chịu 3.000.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

[11] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị O phải chịu 2.810.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Anh H phải chịu 940.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Do anh H đã nộp tạm ứng chi phí chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản nên cần buộc chị O có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh H số tiền 2.810.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 157, 158, 165 và 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; Điều 7 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cáo, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị O và anh Dương Hoàng H.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của Võ Thị O và anh Dương Hoàng H là chị O trực tiếp nuôi con chung Dương Thị Bích T, sinh ngày 16-5-2004. Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Xác định căn nhà cấp 4 diện tích 97,5 m^2 và mái che diện tích 51 m^2, có trị giá 239.343.000 đồng, tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh là tài sản chung của chị Võ Thị O và anh Dương Hoàng H.

Chia cho chị Võ Thị O được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 diện tích 97,5 m^2 và mái che diện tích 51 m^2, tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị Võ Thị O có nghĩa vụ trả cho anh Dương Hoàng H số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

4. Ghi nhận bà Nguyễn Thị M không yêu cầu chị Võ Thị O và anh Dương Hoàng H trả số tiền 60.000.000 đồng.

5. Về án phí:

Chị Võ Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị O đã nộp theo Biên lai số 0006757 ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị O còn phải chịu 8.967.150đ (tám triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm năm mươi đồng) án phí chia tài sản chung.

Anh Dương Hoàng H phải chịu 3.000.000đ (ba triệu đồng) án phí chia tài sản chung, được trừ 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai số 0006949 ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Anh H còn phải nộp tiếp số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

6. Về chi phí tố tụng khác: Chị Võ Thị O có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Dương Hoàng H số tiền 2.810.000đ (hai triệu tám trăm mười nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Văn Lộc **Nguyễn Thị Kim Linh** **Phan Thị Phương**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Văn Lộc **Nguyễn Thị Kim Linh** **Phan Thị Phương**